

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 3

MÔN: TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiahay.com

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the rest.

1.

A. melons /'mɛlənz/B. laughs /lɑ:fs/C. rides /raɪdz/=> **Chọn B**

2.

A. buses /'bʌsɪz/B. watches /'wɒtʃɪz/C. loves /lʌvz/=> **Chọn C**

3.

A. brushes /'brʌʃɪz/B. hats /hæts/C. walks /wɔ:ks/=> **Chọn A****II. Listen and number.****Bài nghe:**

1. Could I have some mushrooms, please?

Sure.

2. Could I have a melon, please?

Of course

3. Could we have one onion, please?

No, sorry.

4. Could I have some soda, please?

Sure.

5. Could we have some lemonade, please?

No, sorry.

6. Could I have some meat, please?

Of course.

Tạm dịch:

1. Cho tôi ít nấm được không?

Được chứ.

2. Làm ơn cho tôi một quả dưa được không?

Tất nhiên rồi.

3. Cho chúng tôi một củ hành tây được không?

Không, xin lỗi.

4. Làm ơn cho tôi một ít soda được không?

Chắc chắn rồi.

5. Cho chúng tôi một ít nước chanh được không?

Không, xin lỗi.

6. Cho tôi ít thịt được không?

Tất nhiên rồi.

Lời giải chi tiết:

a – 2	b – 4	c – 3
d – 5	e – 1	f – 6

III. Choose the correct answer.

1. Với chủ ngữ “I and my friends” thì động từ không cần chia.

I and my friends **catch** the bus to school at 7 o'clock.

(Tôi cùng các bạn bắt xe buýt đến trường vào lúc 7 giờ.)

2. some: dùng cho danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được

a/an: dùng cho danh từ đếm được số ít

“Apple” là danh từ số ít, bắt đầu bằng một âm nguyên âm (âm /æ/) nên cần dùng kèm mạo từ “an”.

There is **an** apple.

(Có một quả táo.)

3. “Onions” là danh từ đếm được số nhiều nên ta dùng cấu trúc với “There are”.

There are some onions in the kitchen.

(Có vài củ hành tây ở trong bếp.)

4. Với chủ ngữ “Kai” cần dùng trợ động từ “does”. Khi đã dùng trợ động từ trong câu thì động từ chính giữ ở dạng nguyên mẫu.

Kai **doesn't get up** at 6.30.

(Kai không thức dậy lúc 6 rưỡi.)

5. Xem lại cách dùng các giới từ chỉ thời gian on, in, at.

Ta dùng: in + các tháng trong năm.

His birthday is **in** July.

(Sinh nhật của anh ấy vào tháng Bảy.)

IV. Read and decide each sentence below is True or False.

The ingredients to make summer rolls are flexible, however, you always need some rice paper and fish sauce to make summer rolls. First, spread a bit of lettuce, noodles, carrots, herbs and pork or shrimp. Next, fold up bottom edge to cover, then fold in the sides. Roll tightly. Continue with remaining ingredients. You can eat them right away when you finish, but it's much better to eat summer rolls with fish sauce. Combine fish sauce, sugar, chili, garlic and about $\frac{1}{4}$ cup water. Taste and adjust seasoning, adding salt and pepper if necessary.

Tạm dịch:

Nguyên liệu làm gỏi cuốn rất đa dạng, tuy nhiên, bạn luôn cần một ít bánh tráng và nước mắm để làm gỏi cuốn. Đầu tiên, rải một ít xà lách, bún, cà rốt, rau thơm và thịt lợn hoặc tôm. Tiếp theo, gấp mép dưới lên để phủ kín, sau đó gấp các cạnh vào. Cuộn thật chặt. Tiếp tục với số nguyên liệu còn lại. Bạn có thể ăn ngay khi vừa hoàn thành, nhưng sẽ ngon hơn nhiều nếu ăn gỏi cuốn cùng nước mắm. Trộn nước mắm, đường, ớt, tỏi và khoảng $\frac{1}{4}$ cốc nước. Nếm thử và điều chỉnh gia vị, thêm muối và hạt tiêu nếu cần.

1. You can combine different ingredients to make summer rolls.

(Bạn có thể kết hợp nhiều nguyên liệu khác nhau để làm gỏi cuốn.)

Thông tin: The ingredients to make summer rolls are flexible

(Nguyên liệu làm gỏi cuốn rất đa dạng)

=> **True**

2. You always need some rice paper and pork to make summer rolls.

(Bạn luôn cần một ít bánh tráng và thịt lợn để làm gỏi cuốn.)

Thông tin: you always need some rice paper and fish sauce to make summer rolls.

(Bạn luôn cần một ít bánh tráng và nước mắm để làm gỏi cuốn.)

=> **False**

3. You may need some lettuce to make this dish.

(Bạn có thể cần một ít rau xà lách để làm món ăn này.)

Thông tin: First, spread a bit of lettuce

(Đầu tiên, rải một ít xà lách)

=> **True**

4. You need to cook summer rolls before eating.

(Bạn cần nấu gỏi cuốn trước khi ăn.)

Thông tin: You can eat them right away when you finish

(Bạn có thể ăn ngay khi vừa hoàn thành)

=> **False**

5. It's better to eat summer rolls with fish sauce.

(Ăn gỏi cuốn với nước mắm sẽ ngon hơn.)

Thông tin: it's much better to eat summer rolls with fish sauce

(sẽ ngon hơn nhiều nếu ăn gỏi cuốn cùng nước mắm)

=> **True**

V. Recorrect the given words to make correct sentences.

1. an/ and/ onion,/ I/ Could/ have/ lemons/ please?/ some

Could I have some lemons and an onion, please?

(Làm ơn cho tôi vài quả chanh và một củ hành tây được không?)

2. at/ often/ eight o'clock./ the dog/ He/ walks

He often walks the dog at eight o'clock.

(Anh ấy thường dắt chó đi dạo lúc 8 giờ.)

3. do/ go/ What time/ to/ you/ school?

What time do you go to school?

(Bạn đi đến trường lúc mấy giờ?)

4. sometimes/ go/ the/ movie theater/ They/ to

They sometimes go to the movie theater.

(Họ thỉnh thoảng đi đến rạp chiếu phim.)

5. plays/ soccer/ her friends/ Linh/ often/ with

Linh often plays soccer with her friends.

(Linh thường chơi bóng đá cùng bạn bè của cô ấy.)

-----THE END-----